

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TM03102: QUY HOẠCH NÔNG NGHIỆP (AGRICULTURAL PLANNING)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: Kỳ 5
- Tín chỉ: 2 (Lý thuyết 1,5 – Thực hành 0,5- Tự học 6)
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành trên phòng thực hành bộ môn: 8 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Quy hoạch đất đai
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	
CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế, môi trường, chính trị, xã hội và nhân văn trong lĩnh vực quản lý đất đai.	Chỉ báo 1.3: Áp dụng kiến thức môi trường trong lĩnh vực quản lý đất đai.
Kiến thức chuyên môn	
CDR2. Phân tích công tác quản lý và sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	Chỉ báo 2.2: Phân tích công tác sử dụng đất
CDR3. Xác định giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai.	Chỉ báo 3.2: Xác định giải pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai
Kỹ năng chung	

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: CĐR5. Sử dụng thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và khởi nghiệp trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.	Chỉ báo 5.1. Sử dụng thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.
Kỹ năng chuyên môn	
CĐR7. Sử dụng thành thạo các nghiệp vụ, công nghệ tiên tiến để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai.	Chỉ báo 7.3. Sử dụng thành thạo các nghiệp vụ để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR8. Làm việc độc lập, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.	Chỉ báo 8.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm giúp người học đạt được:

- Về kiến thức: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận và pháp lý của quy hoạch sản xuất nông nghiệp, phương pháp lập quy hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp,
- Về kỹ năng: Người học nắm chắc cơ sở lý luận và pháp lý của quy hoạch sản xuất nông nghiệp, phương pháp lập quy hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp cho vùng lãnh thổ cụ thể.
- Về các mục tiêu khác (thái độ học tập): Thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội, chủ động, hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ tập thể

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT					
		1.2	2.2	3.2	5.1	7.3	8.1
TM03102	Quy hoạch nông nghiệp	P	P	P	P	P	P

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức môi trường trong lĩnh vực quy hoạch nông nghiệp, quản lý đất đai..	1.2
K2	Phân tích công tác quy hoạch nông nghiệp sử dụng đất;	2.2
K3	Xác định giải pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai	3.2

Ký hiệu	KQHTMD của học phần <i>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được</i>	CĐR của CTĐT
Kỹ năng		
K4	Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn quy hoạch nông nghiệp.	5.1
K5	Sử dụng các nghiệp vụ để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn quy hoạch nông nghiệp	7.3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	8.3

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM03102. Quy hoạch nông nghiệp (Agricultural planning) (2:1,5-0,5-6).

Mô tả văn bản tóm tắt nội dung: Tổng quan về nông nghiệp; Chiến lược phát triển và dự báo nông nghiệp; Phân tích và đánh giá các nguồn lực phát triển nông nghiệp; Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp; Một số dự báo tác động đến phát triển nông nghiệp; Quy hoạch sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp; Quy hoạch sản xuất chăn nuôi và thủy sản; Quy hoạch công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp; Kế hoạch và giải pháp thực hiện quy hoạch

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- + Thuyết giảng;
- + Giảng dạy trực tuyến;
- + Nghiên cứu trường hợp;
- + Dạy học dựa trên vấn đề;
- + Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy;
- + Giảng dạy thông qua thảo luận;
- + Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông;
- + Bài tập tiểu luận.

2. Phương pháp học tập

- + Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo môn học;
- + Thảo luận tích cực các tình huống giảng viên đưa ra về quy hoạch nông nghiệp;
- + Học trên lớp / trực tuyến;
- + Thuyết trình các vấn đề về quy hoạch nông nghiệp cấp xã;
- + Chủ động đặt câu hỏi và xử lý câu hỏi.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số tiết học lý thuyết theo quy định (trên lớp hoặc trực tuyến).
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải có giáo trình môn học, đọc giáo trình, tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu trước mỗi buổi học.
- Kiểm tra giữa kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải làm bài kiểm tra giữa kỳ môn học do giáo viên giảng dạy quy định (trên lớp hoặc trực tuyến).

- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải làm bài tập tiểu luận do giáo viên giảng dạy quy định (trên lớp hoặc trực tuyến).
- Thi cuối kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia và làm bài thi cuối kỳ.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian / Tuần học
Đánh giá quá trình			
Rubric 1. Tham dự lớp	K1, K2, K3, K4, K5, K6	10	1-10
Rubric 2. Kiểm tra giữa kỳ	K1, K2, K3	10	4-6
Rubric 3. Tiểu luận môn học	K1, K2, K3, K4, K5, K6	20	9-10
Đánh giá cuối kỳ			
Rubric 4. Thi cuối kỳ	K1, K2, K3	60	16-20

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1. Tóm tắt tổng quan về nông nghiệp. Chỉ báo 2. Vận dụng chiến lược phát triển nông nghiệp. Chỉ báo 3. Phân tích các nguồn lực phát triển nông nghiệp
K2	Chỉ báo 4. Phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp Chỉ báo 5. Xác định các dự báo tác động đến phát triển nông nghiệp. Chỉ báo 6. Phân tích quy hoạch sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp
K3	Chỉ báo 7. Phân tích quy hoạch sản xuất chăn nuôi và thuỷ sản. Chỉ báo 8. Phân tích quy hoạch công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chỉ báo 9. Xác định kế hoạch và giải pháp thực hiện quy hoạch.

Rubric 1: Tham dự lớp (10đ)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	50	Trả lời được 85-100% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 65-84% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 40-64% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 0-39 % câu hỏi trên lớp

Rubric 2: Bài tập học phần (10đ)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Hình thức bài tập	30	Cấu trúc rõ ràng (a), trình bày sạch đẹp (b), đầy đủ thông tin bài tập (c)	Đạt 2/3 nội dung (a), (b), (c)	Đạt 1/3 nội dung (a), (b), (c)	Không đạt cả 3 nội dung (a), (b), (c)
Nội dung bài tập	70	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu bài tập	Đáp ứng tương đối đầy đủ các yêu cầu bài tập	Đáp ứng các yêu cầu bài tập	Không đáp ứng các yêu cầu bài tập

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Đề tài nhóm: Tất cả các sinh viên phải tham gia thảo luận, trình bày từng nội dung về quy hoạch sản xuất nông nghiệp một địa phương và làm đề tài nhóm, nếu không tham gia sẽ bị 0 điểm vào điểm giữa kỳ và không được tham gia thi cuối kỳ.

Yêu cầu về đạo đức: Tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Giáo trình/bài giảng chính:

- + Nguyễn Quang Học (2023). *Bài giảng quy hoạch sản xuất nông nghiệp* - Hà Nội 2023.
- + Nguyễn Thị Vòng (2016). *Giáo trình quy hoạch môi trường* – Hà Nội 2016.

* Các tài liệu khác:

- + Đoàn Công Quỳ và nnk. (2006). *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*. NXB Nông nghiệp.

Hà Nội.

- + Vũ Thị Bình (2006). *Giáo trình Quy hoạch phát triển nông thôn*. Nhà xuất bản Nông nghiệp 2006..

+ Nguyễn Thị Vòng (2008). *Giáo trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội*. Nhà xuất bản Nông nghiệp 2008

+ FAO (1993). *Guidelines for Land use planning*. FAO Development Series 1, ISSN 1020-0819, Rome, Italy.

+ FAO/UNEP (1999). *The future of our land: Facing the Challenge-Guidelines for integrated planning for sustainable management of land resources*. Rome, Italy.

+ Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (2009). *Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2011 – 2020*.

VIII. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
A	Lý thuyết trên lớp (22 tiết)	
1	<p><i>Chương 1. Tổng quan về nông nghiệp</i></p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <p>1.1. Nông nghiệp trong phát triển kinh tế xã hội 1.2. Cách tiếp cận hệ thống trong nông nghiệp 1.3. Lịch sử phát triển nông nghiệp 1.4. Đặc điểm quy hoạch nông nghiệp</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p>	K1, K2, K3
		K1, K4

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của HP
	Tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến vấn đề trình bày. Chương 2: Đánh giá tiềm năng và dự báo trong quy hoạch nông nghiệp	
2	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <p>2.1. Xây dựng chiến lược trong phát triển nông nghiệp 2.2. Đánh giá các nguồn lực trong phát triển nông nghiệp 2.3. Đánh giá thực trạng và tiềm năng nông nghiệp 2.4. Dự báo các nguồn lực trong kỳ quy hoạch nông nghiệp</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) Tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến vấn đề trình bày.</p>	K1, K2, K3 K1, K4
3	<p>Chương 3: Xây dựng quy hoạch nông nghiệp</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết)</p> <p>3.1. Phân vùng quy hoạch nông nghiệp 3.2. Quy hoạch phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp 3.3. Quy hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản 3.4. Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất nông nghiệp 3.5. Kế hoạch và giải pháp thực hiện</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết) Tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến vấn đề trình bày</p>	K1, K2, K3 K1, K4
4	<p>Chương 4: Mô hình quy hoạch nông nghiệp</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>4.1. Mô hình quy hoạch nông nghiệp hàng hóa 4.2. Mô hình quy hoạch nông nghiệp đô thị 4.3. Mô hình quy hoạch nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu 4.4. Mô hình quy hoạch nông nghiệp thuận thiên</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến vấn đề trình bày</p>	K1, K2, K3 K1, K4
B	Thực hành trên phòng thực hành (8 tiết)	
10	<p>Bài 1: Luận chứng về nguồn lực phát triển nông nghiệp</p> <p>A/ Các nội dung chính trên phòng thực hành: (2 tiết)</p> <p>1. Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội 2. Đánh giá tác động của các chính sách đến phát triển nông nghiệp 3. Đánh giá về ứng dụng khoa học công phục vụ phát triển nông nghiệp 4. Đánh giá chung về ĐKTN, KTXH tác động đến phát triển nông nghiệp</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến vấn đề trình bày</p>	K4, K5, K6 K5, K6
11	<p>Bài 2: Dự báo phát triển ngành trồng trọt</p> <p>A/ Các nội dung chính trên phòng thực hành: (3 tiết)</p> <p>1. Dự báo phát triển sản xuất cây lương thực, cây thực phẩm</p>	K4, K5, K6

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
	2. Dự báo phát triển sản xuất cây công nghiệp 3. Dự báo phát triển sản xuất cây ăn quả 4. Dự báo phát triển sản xuất hoa cây cảnh 5. Dự báo phát triển sản xuất cây nguyên liệu lấy dầu diezen 6. Dự báo phát triển trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng 7. Bố trí đất sản xuất trồng trọt và lâm nghiệp B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến vấn đề trình bày	
	Bài 3: Dự báo phát triển ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản	K5, K6
12	A/ Các nội dung chính trên phòng thực hành: (3 tiết) 1. Dự báo phát triển chăn nuôi 2. Dự báo nuôi trồng thủy sản ao, hồ, đầm nhỏ 3. Dự báo nuôi trồng thủy sản vùng bãi sông, ven biển 4. Dự báo phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy đặc sản 5. Dự báo phát triển trang trại, cơ sở sản xuất giống chăn nuôi, thủy sản 6. Dự báo bố trí đất phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Tìm hiểu các tài liệu có liên quan đến vấn đề trình bày	K4, K5, K6
		K5, K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: theo quy định và điều kiện của Học viện.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Giáo trình, máy chiếu...
- Các phương tiện khác: Dụng cụ và đồ dùng học tập.
- E-learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS. TS. ĐỖ VĂN NHẬT

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH

PGS. TS. NGUYỄN QUANG HỌC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: NGUYỄN QUANG HỌC	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912326385
Email: nqhoc@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: NGUYỄN TUẤN ANH	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912784627
Email: nn1ntanh78@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: NGUYỄN KHẮC VIỆT BA	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0905140687
Email: nktba@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: VŨ THỊ THU	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0984711635
Email: vuthithu@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: NGUYỄN QUANG HUY	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0724277242
Email: nguyenquanghuy@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Các lần cải tiến:

Lần 1- (7/2018): (1) Chỉnh sửa KQHTMD của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT. CTĐT ngành QLĐĐ có 18 CDR cho 3 chuyên ngành: Quản lý đất đai, Quản lý bất động sản, Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

Quản lý Tài nguyên và Môi trường.
(2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá (bổ sung thêm Rubric).

Lần 2- (7/2019): (1) Cập nhật KQHTMD của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT (IPRM). CDR của CTĐT ngành QLĐĐ có 12 CDR.

(2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá;

Lần 3-5 (7/2020-7/2022): Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy (kết hợp giảng dạy online), phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

Lần 6 (2023): Chỉnh sửa CDR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT. CTĐT ngành QLĐĐ có 9 CDR, 1 chuyên ngành Quản lý đất đai. Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.